

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 8**

(ngày 09/4/2019)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm và hệ thống biểu mẫu; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của UBND Thành phố tại Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 27/3/2019 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-HĐND ngày 03/4/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo giải trình bổ sung số 102/BC-UBND ngày 05/4/2019 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Thành phố năm 2019 với tổng kinh phí 1.972.500 triệu đồng (*tổng hợp tại Phụ lục số 1*), bao gồm những nội dung sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn XDCB tập trung của 38 dự án (*chi tiết tại Phụ lục số 2*), trong đó:

- Điều chỉnh giảm vốn của 09 dự án với mức vốn giảm 1.492.000 triệu đồng.

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn của 29 dự án (26 dự án bổ sung danh mục kế vốn năm 2019; 3 dự án đã trong danh mục bổ sung vốn) với tổng mức vốn tăng 713.300 triệu đồng.

2. Bổ sung vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới: 11.000 triệu đồng.

3. Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn của 01 dự án sử dụng vốn theo cơ chế đặc thù với mức vốn 100.000 triệu đồng (*chi tiết tại Phụ lục số 3*).

4. Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn của 01 dự án sử dụng nguồn vốn huy động, đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân với mức vốn 13.000 triệu đồng (*chi tiết tại Phụ lục số 4*).

5. Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã, gồm:

- Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn hỗ trợ đặc thù thuộc vùng ảnh hưởng môi trường Khu liên hợp xử lý chất thải Sóc Sơn: 01 dự án, với mức vốn 500 triệu đồng (*chi tiết tại Phụ lục số 5*).

- Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn cho 134 dự án hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho 14 huyện đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018; mức vốn 1.626.700 triệu đồng (*chi tiết tại Phụ lục số 6*).

6. Bổ sung nguồn vốn cho quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn giải phóng mặt bằng: 1.000.000 triệu đồng.

7. Chấp thuận phương án cân đối nguồn vốn 3.464.500 triệu đồng cho nhu cầu bổ sung vốn năm 2019 theo phương án nêu trên như sau:

- Phân bổ 1.492.000 triệu đồng từ nguồn điều chỉnh giảm kế hoạch vốn xây dựng cơ bản tập trung (bố trí cho các dự án có quyết định đầu tư đến ngày 31/10/2018 và bổ sung nguồn vốn cho quỹ phát triển đất).

- Phân bổ 13.000 triệu đồng cho 01 dự án từ nguồn vốn tài trợ của Công ty TNHH Phát triển THT đã nộp vào ngân sách Thành phố.

- Phân bổ số kinh phí còn lại (1.959.500 triệu đồng) từ nguồn dự kiến kết dư ngân sách Thành phố năm 2018 (nguồn kết dư ngân sách Thành phố năm 2017 chưa sử dụng).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND Thành phố:

- Chỉ đạo chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thiện thủ tục điều chỉnh thời gian thực hiện của một số dự án xây dựng cơ bản tập trung trước ngày 30/5/2019 để triển khai thực hiện sớm hoàn thành, bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư.

- Rà soát tổng thể, đề xuất phương án xử lý đối với toàn bộ các dự án chuyển tiếp đã khởi công từ năm 2015 trở về trước, chưa được cấp có thẩm quyền chỉ đạo dừng triển khai nhưng không nằm trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố, báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp HĐND Thành phố trong năm 2019 để đảm bảo hiệu quả nguồn vốn đã đầu tư, tránh để tồn tại công trình dở dang không có khả năng khai thác hoặc khai thác không hiệu quả.

- Tổng hợp các dự án được chấp thuận bổ sung danh mục kế hoạch vốn năm 2019 nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vào phương án cập nhật, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 cấp Thành phố trình HĐND Thành phố phê duyệt tại kỳ họp cuối năm 2019 của HĐND Thành phố.

2. Giao Thường trực HĐND Thành phố, các ban HĐND Thành phố, các tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

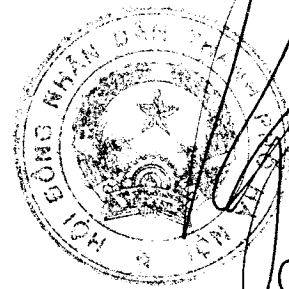
3. Các nội dung không điều chỉnh tại Nghị quyết này tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09/4/2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký. / *mm*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTW Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- TT HĐND, UBND, UB MTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng, các Ban HĐND Thành phố;
- Các văn phòng: Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố;
- Các sở: KH&ĐT; TC; TN&MT; QH-KT; GT-VT; LĐT&XH; NN&PTNT, TTTT; VH&TT; XD; Y tế;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã.;
- Các BQLDA ĐTXDCT: Dân dụng và Công nghiệp; Giao thông; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Văn hóa - Xã hội;
- Bộ Tư lệnh Thủ đô;
- Công báo Thành phố, Cổng giao tiếp điện tử Thành phố;
- Lưu: VT. *mm*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc



Phụ lục 1

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019

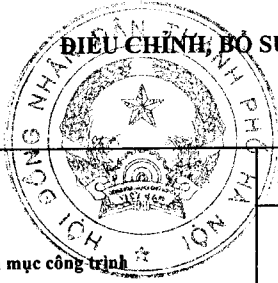
(Kèm theo nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 09/4/2019 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2019 ĐÃ GIAO			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỢT 1 NĂM 2019						KẾ HOẠCH NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG			Ghi chú
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	Số DA tăng thêm	Dự kiến CTHT tăng thêm trong năm 2019	Kế hoạch vốn			Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn		
							Tổng số	Trong đó:						
								Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	TỔNG CỘNG	328	210	29.019.503	161	104	1.912.500		1.912.500	489	314	30.932.003		
A	CHI ĐẦU TƯ CÔNG (BỔ TRÍ VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG)	328	210	22.939.503	161	104	912.500	-1.000.000	1.912.500	489	314	23.852.003		
A1	Bố trí vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng			1.867.538								1.867.538		
A2	Vốn phân bổ thực hiện các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư XDCB, hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	328	210	21.071.965	161	104	912.500	-1.000.000	1.912.500	489	314	21.984.465		
I	Vốn XDCB tập trung cấp Thành phố	184	113	16.612.096	25	15	-838.700	-1.111.000	272.300	209	128	15.773.396	Phụ lục 2	
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	16	5	7.941.220			-1.230.000	-1.230.000		16	5	6.711.220		
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	35	20	5.610.816	14	14	9.800	9.800		49	34	5.620.616		
-	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	24	17	1.350.000			-1.360.000	-1.360.000		24	17	-10.000		
-	Dự án khởi công mới năm 2019	114	68	8.087.400	11	1	511.500	239.200	272.300	125	69	8.598.900		
1	Lĩnh vực khoa học công nghệ				1	1	1.300	1.300		1	1	1.300		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015				1	1	1.300	1.300		1	1	1.300		
2	Lĩnh vực quốc phòng	4	4	374.000	1		40.000		40.000	5	4	414.000		

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2019 ĐÃ GIAO			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỢT 1 NĂM 2019						KẾ HOẠCH NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG			Ghi chú
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	Số DA tăng thêm	Dự kiến CTHT tăng thêm trong năm 2019	Kế hoạch vốn			Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn		
							Tổng số	Trong đó:						
								Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách					
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	
	Dự án khởi công mới năm 2019	1	1	188.000	1		40.000		40.000	2	1	228.000		
3	Lĩnh vực an ninh	37	27	1.057.200	1	1	6.300		6.300	38	28	1.063.500		
	Dự án khởi công mới năm 2019	37	27	1.057.200	1	1	6.300		6.300	38	28	1.063.500		
4	Lĩnh vực y tế	7	2	568.000	1	1	-55.500	-55.500		8	3	512.500		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2	1	265.000	1	1	-55.500	-55.500		3	2	209.500		
5	Lĩnh vực văn hóa thông tin	3	2	39.000	1	1	6.000	6.000		4	3	45.000		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2	1	30.000	1	1	6.000	6.000		3	2	36.000		
6	Các hoạt động kinh tế	108	60	11.816.831	26	10	-846.800	-1.072.800	226.000	134	70	10.970.031		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	27	17	4.772.978	10	10	48.000	48.000		37	27	4.820.978		
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018	16	9	1.008.000			-1.360.000	-1.360.000		16	9	-352.000		
	Dự án khởi công mới năm 2019	57	27	5.682.200	9		465.200	239.200	226.000	66	27	6.147.400		
<i>a</i>	<i>Lĩnh vực giao thông</i>	<i>78</i>	<i>41</i>	<i>9.936.133</i>	<i>16</i>	<i>3</i>	<i>-1.033.500</i>	<i>-1.259.500</i>	<i>226.000</i>	<i>94</i>	<i>44</i>	<i>8.902.633</i>		
<i>b</i>	<i>Lĩnh vực đê điều</i>	<i>5</i>	<i>4</i>	<i>247.000</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>6.800</i>	<i>6.800</i>		<i>7</i>	<i>6</i>	<i>253.800</i>		
<i>c</i>	<i>Lĩnh vực thủy lợi</i>	<i>17</i>	<i>10</i>	<i>1.235.291</i>	<i>5</i>	<i>5</i>	<i>38.700</i>	<i>38.700</i>		<i>22</i>	<i>15</i>	<i>1.273.991</i>		
<i>d</i>	<i>Lĩnh vực HTKT tái định cư</i>				<i>3</i>		<i>141.200</i>	<i>141.200</i>		<i>3</i>		<i>141.200</i>		
7	Lĩnh vực khác	4	2	198.000	1	1	10.000	10.000		5	3	208.000		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1		80.000	1	1	10.000	10.000		2	1	90.000		
II	Chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố	2	2	1.206.200			11.000	11.000		2	2	1.217.200		
1	CTMT quốc gia về Xây dựng nông thôn mới lồng ghép thực hiện Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020	1	1	1.187.200			11.000	11.000		1	1	1.198.200	Hoàn trả ngân sách huyện Thanh Trì đã tạm ứng để thực hiện Chương trình	

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM 2019 ĐÃ GIAO			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỢT 1 NĂM 2019						KẾ HOẠCH NĂM 2019 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG			Ghi chú
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn	Số DA tăng thêm	Dự kiến CTHT tăng thêm trong năm 2019	Kế hoạch vốn			Số DA	Dự kiến CTHT năm 2019	Kế hoạch vốn		
							Tổng số	Trong đó:						
							Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn tăng thu, kết dư ngân sách						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
III	Bổ trợ vốn thực hiện một số dự án theo cơ chế đặc thù	4		1.238.000	1		100.000	100.000		5		1.338.000		
1	UBND Quận Nam Từ Liêm				1		100.000	100.000		1		100.000	Phụ lục 3	
IV	Nguồn vốn huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức				1	1	13.000		13.000	1	1	13.000	Phụ lục 4	
V	Ngân sách thành phố hỗ trợ cho cấp huyện	138	95	2.015.669	134	88	1.627.200		1.627.200	272	183	3.642.869		
1	Hỗ trợ đặc thù	33	32	141.169	1		500		500	34	32	141.669	Phụ lục 5	
2	Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu ngoài định mức hỗ trợ tại Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 (theo các văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Thành phố trong năm 2018)				133	88	1.626.700		1.626.700	133	88	1.626.700	Phụ lục 6; trong đó 01 dự án bổ trợ một phần từ nguồn vốn xổ số Thủ đô	
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC (BỔ TRỢ VỐN CHO CÁC QUỸ, CÁC KHOẢN CHI ĐẦU TƯ KHÁC)			6.080.000			1.000.000	1.000.000				7.080.000		
1	Bổ sung vốn và hoàn trả cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố			2.200.000			1.000.000	1.000.000				3.200.000	Bổ sung nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn GPMB	



PHỤ LỤC 2
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019 CHO DỰ ÁN XDCB TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ
(Kèm theo nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 09/4/2019 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	HT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:					
												Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	14	15	16	17	18	19	
	TỔNG CỘNG	1	26	11					15.742.493	3.732.389	-778.700	-1.111.000	332.300	2.953.689	15		
	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015</i>		9	8					2.966.794	201.389	9.800	9.800		211.189	14		
	<i>Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018</i>	1	3						8.449.236	3.310.000	-1.360.000	-1.360.000		1.950.000			
	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>		14	3					-4.326.463	221.000	571.500	239.200	332.300	792.500	1		
A	Dự án đã giao kế hoạch vốn năm 2019	1	10	1					10.841.456	3.732.389	-1.402.000	-1.402.000		2.330.389			
A.1	Dự án giảm vốn	1	7	1					9.976.983	3.672.389	-1.492.000	-1.492.000		2.180.389			
I	Lĩnh vực y tế		2						934.369	100.000	-60.000	-60.000		40.000			
<i>a)</i>	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015</i>		2						934.369	100.000	-60.000	-60.000		40.000			
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2012-2015	300 giường	5060/QĐ-UBND 28/10/2011	149.936	50.000	-30.000	-30.000		20.000		BQLDA ĐTXDCT Văn hóa - Xã hội Thành phố	
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội		1		Hà Đông	2016-2020	200 giường	4908/QĐ-UBND 30/9/2015	784.433	50.000	-30.000	-30.000		20.000		BQLDA ĐTXDCT Văn hóa - Xã hội Thành phố	
II	Lĩnh vực giao thông	1	5	1					9.042.614	3.572.389	-1.432.000	-1.432.000		2.140.389			
<i>a)</i>	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015</i>		1						301.002	101.389	-30.000	-30.000		71.389			
3	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn Vạn Bảo đến nút Núi Trúc), GĐ 2		1		Ba Đình	2007-2018	565,75m x3m	1096/QĐ-UB 02/3/2006; 2619/QĐ-UBND 08/5/2017	301.002	101.389	-30.000	-30.000		71.389		BQLDA ĐTXDCT Giao thông Thành phố	
<i>b)</i>	<i>Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2018</i>	1	3						8.449.236	3.310.000	-1.360.000	-1.360.000		1.950.000			
4	Hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến công trường Đại học Công đoàn		1		Đống Đa	2015-2019	Hoàn thiện 1/4 nút giao theo quy hoạch	5572/QĐ-UBND 28/10/2014; 8006/QĐ-UBND 17/11/2017	535.712	70.000	-50.000	-50.000		20.000		BQLDA ĐTXDCT Giao thông Thành phố	
5	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường Vành đai 1, đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội, giai đoạn I	1			Đống Đa, Ba Đình	2018-2020	2.270mx50m; 02 cầu vượt	5757/QĐ-UBND 25/10/2018	7.210.958	3.000.000	-1.200.000	-1.200.000		1.800.000		BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp Thành phố	
6	Xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm		1		Nam Từ Liêm	2017-2018	L=3.065m; B=40m	2307/QĐ-UBND 17/4/2017	436.735	120.000	-70.000	-70.000		50.000		BQLDA ĐTXDCT Giao thông Thành phố	

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	HT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:					
												Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	14	15	16	17	18	19	19
7	Nâng cấp, cải tạo QL21B đoạn qua thị trấn Kim Bài (Km10+350 - Km13+200) kết hợp xây dựng quảng trường, công viên cây xanh, huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2016-2020	3,8Km x 24m	7275/QĐ-UBND 20/10/2016	265.831	120.000	-40.000	-40.000		80.000		UBND huyện Thanh Oai	
c)	Dự án khởi công mới năm 2019		1	1					292.376	161.000	-42.000	-42.000		119.000			
8	Xây dựng tuyến đường Phan Kế Bính theo quy hoạch (đoạn Linh Lang - Liễu Giai)			1	Ba Đình	2018-2019	L=370,25m; B=30m	5208/QĐ-UBND 26/10/2018	72.891	62.000	-12.000	-12.000		50.000		BQLDA ĐTXDCT Giao thông Thành phố	
9	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh khu đất dự án đầu tư xây dựng bệnh viện và Trung tâm thương mại tại phường Dương Nội, quận Hà Đông		1		Hà Đông, Nam Từ Liêm	2018-2020	L=1,8Km, B=27m-40m	3691/QĐ-UBND 20/7/2018	219.485	99.000	-30.000	-30.000		69.000		UBND quận Hà Đông	
A.2	Dự án tăng vốn		3						864.473	60.000	90.000	90.000		150.000			
I	Lĩnh vực giao thông		3						864.473	60.000	90.000	90.000		150.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2019		3						864.473	60.000	90.000	90.000		150.000			
10	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Dương Xá - Đông Du đến ga Phú Thị		1		Gia Lâm	2019-2020	- Chiều dài tuyến 1,6 km; B=30m	9011/QĐ-UBND 31/10/2018	198.138	5.000	35.000	35.000		40.000		UBND huyện Gia Lâm	
11	Xây dựng đường đê tá Đuống theo quy hoạch đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phù Đổng		1		Gia Lâm	2019-2020	L=5,44 km; Đường mặt đê Bmđ=7m; Đường gom B=13.5m	9008/QĐ-UBND 31/10/2018	511.247	5.000	35.000	35.000		40.000		UBND huyện Gia Lâm	
12	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427 đoạn từ QL21 B đến nút giao Khê Hối (đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2018-2020	L=2,65Km, B=22,5-38m	5951/QĐ-UBND 31/10/2018	155.088	50.000	20.000	20.000		70.000		UBND huyện Thường Tín	
B	Dự án bổ sung danh mục và kế hoạch vốn năm 2019		16	10					4.901.037		623.300	291.000	332.300	623.300	15		
B.1	Dự án đã trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020		15	8					4.578.409		598.300	266.000	332.300	598.300	12		
I	Lĩnh vực công nghệ thông tin		1						99.608		1.300	1.300		1.300	1		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1						99.608		1.300	1.300		1.300	1		

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	HT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:					
												Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	14	15	16	17	18	19	19
13	Dự án Xây dựng Hệ thống Hợp trục tuyến phục vụ công tác quản lý, điều hành của Thành phố - giai đoạn 3		1		573 xã, phường, thị trấn	2013-2019	Đầu tư thiết bị đầu cuối	4519/QĐ-UBND 29/7/2013, 6222/QĐ-UBND 14/11/2018	99.608		1.300	1.300		1.300	1	Văn phòng UBND Thành phố	
II Lĩnh vực quốc phòng			1						100.000		40.000		40.000	40.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2019		1						100.000		40.000		40.000	40.000			
14	Tổng trạm thông tin Sở chỉ huy thống nhất số 02 thành phố Hà Nội (Mãt danh: STN.02.4)		1		Mỹ Đức	2019-2020	23.7 ha	403/QĐ-UBND 10/12/2018	100.000		40.000		40.000	40.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô	
III Lĩnh vực an ninh				1					9.278		6.300		6.300	6.300	1		
a)	Dự án khởi công mới năm 2019			1					9.278		6.300		6.300	6.300	1		
15	Xây dựng trụ sở làm việc Đồn công an Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, huyện Thạch Thất thuộc Công an Thành phố Hà Nội			1	Thạch Thất	2018-2019	666 m2 sàn XD+TB+phụ trợ	6554/QĐ-UBND 03/12/2018	9.278		6.300		6.300	6.300	1	BQLDA ĐTXDCT Văn hóa - Xã hội Thành phố	
IV Lĩnh vực y tế				1					457.457		4.500	4.500		4.500	1		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			1					457.457		4.500	4.500		4.500	1		
16	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh		1		Mê Linh	2013-2017	200 giường bệnh	4147/QĐ-UBND 20/9/2012	457.457		4.500	4.500		4.500	1	UBND huyện Mê Linh	
V Lĩnh vực giao thông			6	2					2.363.661		299.500	73.500	226.000	299.500	2		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1	1					419.156		23.500	23.500		23.500	2		
17	Xây dựng đường 35 huyện Mê Linh từ Đại Thịnh đến Quang Minh (giai đoạn 1: GPMB và xây dựng đường giao thông)		1		Mê Linh	2019	L=6.128,8; mặt cắt ngang B=24-36m	6070/QĐ-UBND 27/12/2011, 6751/QĐ-UBND 11/12/2018	296.463		20.000	20.000		20.000	1	UBND huyện Mê Linh	
18	Dự án xây dựng công trình đường trục phát triển thị xã Sơn Tây, lý trình Km13+740,6 đến Km14+704			1	Sơn Tây	2013-2017	963,6mx40m	1481/QĐ-UBND 24/8/2006; 171/QĐ-UBND 09/01/2012; 523/QĐ-UBND 21/9/2017	122.693		3.500	3.500		3.500	1	BQLDA ĐTXDCT Giao thông Thành phố	
b)	Dự án khởi công mới năm 2019		5	1					1.944.505		276.000	50.000	226.000	276.000			
19	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phú Đồng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2019-2020	L=2,6 km; B=40m	9013/QĐ-UBND 31/10/2018	380.108		50.000	50.000		50.000		UBND huyện Gia Lâm	
20	Dự án Cải tạo, mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp và công hóa thành đường kín tuyến đường Nguyễn Cơ Thạch đến hết đường Đỗ Xuân Hợp		1		Nam Từ Liêm	2019-2021	L=1,1 km; B=30m	878/QĐ-UBND 08/3/2019	416.870		70.000		70.000	70.000		UBND quận Nam Từ Liêm	

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	HT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:					
												Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	14	15	16	17	18	19	19
21	Dự án Công hóa thành nương kin để làm đường giao thông tuyến nương Đồng Bông		1		Nam Từ Liêm	2019-2021	L=995m;	879/QĐ-UBND 08/3/2019	223.882		50.000		50.000	50.000		UBND quận Nam Từ Liêm	
22	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ trên đường Võ Nguyên Giáp tại khu vực Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn			1	Sóc Sơn	2019	L=75,7m; B=3,4m	529/QĐ-UBND 28/01/2019	17.442		6.000		6.000	6.000		Ban QLDA ĐTXĐ CTGT Thành phố	
23	Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km189 đến Km194 qua địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội		1		Thường Tín	2019-2021	L=5Km, 1/2 mặt cắt: B=13m-- 20,5m	1503/QĐ-UBND 29/3/2019	247.268		40.000		40.000	40.000		UBND huyện Thường Tín	
24	Xây dựng đường nối từ Khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn với đường Võ Nguyên Giáp		1		xã Mai Đình, Sóc Sơn			1383/QĐ-UBND 26/3/2019	658.935		60.000		60.000	60.000		UBND huyện Sóc Sơn	
VI	Lĩnh vực thủy lợi		1	4					259.868		38.700	38.700		38.700	5		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1	4					259.868		38.700	38.700		38.700	5		
25	Cứng hoá mặt kênh kết hợp làm đường giao thông đoạn kênh Từ Vân đến Kiều Thụy, huyện Thường Tín			1	Thường Tín	2016-2019	3.216m	315/QĐ-KHĐT 31/10/2012, 402/QĐ-KHĐT 27/11/2013, 334/QĐ-UBND 14/01/2019	47.007		12.000	12.000		12.000	1	UBND huyện Thường Tín	
26	Cải tạo, nâng cấp bờ hữu sông Nhuệ kết hợp giao thông huyện Thanh Oai			1	Thanh Oai	2013-2019	6.094m, b/s kè mái đoạn 1 tuyến 1: 910m; công tiêu nước	8915/QĐ-UBND 26/12/2017	58.958		8.600	8.600		8.600	1	UBND huyện Thanh Oai	
27	Kiên cố hoá kênh N1 (kênh A trạm bơm Vân Đình) và cứng hoá kênh kết hợp phát triển giao thông nội đồng huyện Ứng Hoà.			1	Ứng Hoà	2016-2018	6.422m	336/QĐ-KH&ĐT 26/10/2011	48.794		6.600	6.600		6.600	1	UBND huyện Ứng Hoà	
28	Kè chống sạt lở bờ tả sông đáy xã Hồng Quang huyện Ứng Hoà.			1	Ứng Hoà	2016-2018	959,35m	293/QĐ-KH&ĐT 24/10/2012	18.372		6.000	6.000		6.000	1	UBND huyện Ứng Hoà	
29	Nạo vét kênh Đầm Và, xã Tiên Phong		1		Mê Linh	2013-2019	Nạo vét 7,8km kênh và xây dựng các công trình trên kênh	5088/QĐ-UBND 28/10/2011	86.737		5.500	5.500		5.500	1	UBND huyện Mê Linh	
VII	Lĩnh vực đê điều		1	1					172.706		6.800	6.800		6.800	2		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1	1					172.706		6.800	6.800		6.800	2		

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	HT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:					
												Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	14	15	16	17	18	19	19
30	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực Đan Thê - Tòng Bạt, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2012-2016	1.080m	2051/QĐ-SNN 29/8/2012; 8948/QĐ-UBND 27/12/2017	44.448		3.200	3.200		3.200	1	BQLDA ĐTXDCT Nông nghiệp và PTNT	
31	Nâng cấp tuyến đê hữu Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội (đoạn từ K2+030 đến K8+800 đê Vân Cốc, huyện Phúc Thọ, huyện Đan Phượng)		1		Phúc Thọ, Đan Phượng	2015-2017	6.542m	494/QĐ-UBND 30/01/2015, 4960/QĐ-UBND 19/09/2018	128.258		3.600	3.600		3.600	1	BQLDA ĐTXDCT Nông nghiệp và PTNT	
VIII	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật tái định cư		3						456.473		141.200	141.200		141.200			
a)	Dự án khởi công mới năm 2019		3						456.473		141.200	141.200		141.200			
32	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLC T Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLC T Sóc Sơn)		1		xã Hồng Kỳ, Sóc Sơn	2018-2019	75,8ha	8799/QĐ-UBND 31/10/2017	89.756		50.000	50.000		50.000		UBND huyện Sóc Sơn	Hoàn trả vốn quỹ đất đã ứng (25 tỷ đồng)
33	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Nam Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLC T Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLC T Sóc Sơn)		1		xã Nam Sơn, Sóc Sơn	2018-2019	9,2 ha	8800/QĐ-UBND 31/10/2017	121.000		61.200	61.200		61.200		UBND huyện Sóc Sơn	Hoàn trả vốn quỹ đất đã ứng (25 tỷ đồng)
34	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Bắc Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLC T Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLC T Sóc Sơn)		1		xã Bắc Sơn, Sóc Sơn	2018-2020	19,5 ha	9815/QĐ-UBND 15/12/2017	245.717		30.000	30.000		30.000		UBND huyện Sóc Sơn	
IX	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1						659.358		60.000		60.000	60.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2019		1						659.358		60.000		60.000	60.000			
35	Khu liên cơ quan Vân Hồ		1		Q. Hai Bà Trưng	2018-2020	6 tầng; S=3.613m ²	1547/QĐ-UBND 01/4/2019	659.358		60.000		60.000	60.000		BQLDA ĐTXDCT Dân dụng và Công nghiệp Thành phố	
B2	Dự án chưa trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn cần bổ sung và bố trí vốn năm 2019 để thực hiện		1	2					322.628		25.000	25.000		25.000	3		
I	Lĩnh vực văn hóa			1					24.413		6.000	6.000		6.000	1		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			1					24.413		6.000	6.000		6.000	1		
36	Cải tạo, sửa chữa Nhà hát ca múa nhạc Thăng Long			1	Hoàn Kiếm	2014-2017	5 tầng, 2 tầng biểu diễn	1199/QĐ-VHTT&DL 27/10/2010; 2901/QĐ-UBND 22/5/2017	24.413		6.000	6.000		6.000	1	BQLDA ĐTXDCT Văn hóa - Xã hội Thành phố	
II	Lĩnh vực giao thông			1					218.649		9.000	9.000		9.000	1		
a)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015			1					218.649		9.000	9.000		9.000	1		

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án			Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019			Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	HT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:					
												Phân bổ từ nguồn điều chỉnh giảm	Phân bổ từ nguồn kết dư ngân sách				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	14	15	16	17	18	19	19
37	Xây dựng tuyến đường từ Trường Đại học Mỏ địa chất ra đường Phạm Văn Đồng			1	Từ Liêm	2006-2015	1934mx(30-40)m	2418/QĐ-UB 29/4/2005; 4229/QĐ-UBND 14/8/2014	218.649		9.000	9.000		9.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	
III	Lĩnh vực khác		1						79.566		10.000	10.000		10.000	1		
a)	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015</i>		<i>1</i>						<i>79.566</i>		<i>10.000</i>	<i>10.000</i>		<i>10.000</i>	<i>1</i>		
38	Xây dựng Trường trung cấp nghề số 1 Hà Nội (giai đoạn 2)		1		Phú Xuyên	2008-2017		2003/QĐ-UBND 31/10/2007; 4939/QĐ-UBND 08/9/2016	79.566		10.000	10.000		10.000	1	BQLDA ĐTXDCT Văn hóa - Xã hội Thành phố	

Phụ lục 3

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019
CHO DỰ ÁN THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 09/4/2019 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án		Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	HT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư						
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>14</i>
	TỔNG CỘNG	1						603.367		100.000	100.000			
A	Dự án bổ sung danh mục và kế hoạch vốn năm 2019	1						603.367		100.000	100.000			
A.1	Dự án đã trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020	1						603.367		100.000	100.000			
I	Lĩnh vực giao thông	1						603.367		100.000	100.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2019	1						603.367		100.000	100.000			
1	Xây dựng tuyến đường từ đường Vũ Quỳnh đến đường Lê Đức Thọ - Phạm Hùng (đoạn sau khu Trung tâm thể thao dưới nước)	1		Nam Từ Liêm	2019-2020	L=2,6 km; B=40m	5164/QĐ-UBND 31/10/2018	603.367		100.000	100.000		UBND quận Nam Từ Liêm	Quận bố trí 50 tỷ đồng

Phụ lục 4
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019
CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP
(Kèm theo nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 09/4/2019 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

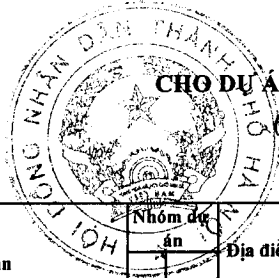
TT	Danh mục công trình	Nhóm dự án		Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao	Đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn năm 2019	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh	HT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG		1					52.722		13.000	13.000	1		
A	Dự án bổ sung danh mục và kế hoạch vốn năm 2019		1					52.722		13.000	13.000	1		
A.1	Dự án đã trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020		1					52.722		13.000	13.000	1		
I	Lĩnh vực giao thông		1					52722		13000	13000	1		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		1					52722		13000	13000	1		
1	Xây dựng tuyến đường số 1 vào trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây		1	Tây Hồ	2015-2019	L=627,74m; B=50m	2147/QĐ-UBND 14/5/2010; 5675/QĐ-UBND 23/10/2018	52.722		13.000	13.000	1	BQLDA ĐTXDCT Dân dụng & Công nghiệp Thành phố	Năm 2019, Công ty THT đã thực hiện cam kết ủng hộ ngân sách Thành phố số tiền 13 tỷ đồng để thực hiện xây dựng tuyến đường này.

Phụ lục 5

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ ĐẶC THÙ NĂM 2019 CHO MỘT SỐ HUYỆN
(Kèm theo nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 09/4/2019 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm thực hiện dự án	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã được giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP hỗ trợ năm 2019	Kế hoạch vốn NSTP hỗ trợ năm 2019 sau điều chỉnh	HT 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó vốn NSTP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	16	17	18	19	19
	TỔNG CỘNG		1					53.507			500	500			
A.1	<i>Dự án đã trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020</i>		1					53.507			500	500			
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang thôn Lai Sơn, xã Bắc Sơn		1	Bắc Sơn	2019-2021	1,78ha	3588/QĐ-UBND 31/10/2018	53.507			500	500		UBND huyện Sóc Sơn	



Phụ lục 6
KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỖ TRỢ CẤP HUYỆN NĂM 2019
CHO DỰ ÁN THEO THÔNG BÁO LÀM VIỆC VÀ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA THÀNH PHỐ TRONG NĂM 2018
(Kèm theo nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 09/4/2019 của HĐND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG	8	126					3.135.100	104.600	20.000	1.626.700	1.731.300	1.646.700	88		KHV 2019 NSTP hỗ trợ sau điều chỉnh đã bao gồm 20 tỉ đồng từ nguồn XSKT bố trí từ đầu năm
1	Lĩnh vực trường học	8	98					2.713.282	104.600	20.000	1.361.000	1.465.600	1.381.000	66		
2	Lĩnh vực giao thông		12					277.596			159.500	159.500	159.500	8		
3	Lĩnh vực y tế		10					55.952			51.700	51.700	51.700	10		
4	Lĩnh vực văn hóa		4					67.493			36.000	36.000	36.000	2		
5	Lĩnh vực khác		2					20.778			18.500	18.500	18.500	2		
	TỔNG CỘNG	8	126					3.135.100	104.600	20.000	1.626.700	1.731.300	1.646.700	88		
I	Huyện Ba Vì		12					212.668			116.200	116.200	116.200	6		
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019		12					212.668			116.200	116.200	116.200	6		
*	Lĩnh vực trường học		11					182.668			103.200	103.200	103.200	6		
1	Trường Mầm non Đồng Thái		1	xã Đồng Thái	2019-2020	4 phòng học lý thuyết, cải tạo nhà hiệu bộ, phụ trợ, thiết bị	442/QĐ-UBND 06/3/2019	12.930			11.500	11.500	11.500	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Trường Mầm non 1-6		1	thị trấn Tây Đằng	2019-2020	6 phòng học lý thuyết, cải tạo nhà hiệu bộ và nhà lớp học cũ, phụ trợ, thiết bị	447/QĐ-UBND 07/3/2019	14.998			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Trường mầm non Tiên Phong		1	xã Tiên Phong	2018-2020	14 phòng học lý thuyết, nhà bếp, nhà hiệu bộ và cải tạo nhà lớp học cũ, phụ trợ, thiết bị	2847/QĐ-UBND 30/10/2018	37.998			9.000	9.000	9.000		UBND huyện Ba Vì	
4	Trường Tiểu học Châu Sơn		1	xã Châu Sơn	2019-2020	04 phòng học bộ môn và nhà hiệu bộ, cải tạo nhà lớp học cũ, phụ trợ, thiết bị	446/QĐ-UBND 07/3/2019	13.600			12.500	12.500	12.500	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Trường Tiểu học Tiên Phong, xã Tiên Phong		1	xã Tiên Phong	2019-2020	15 phòng học lý thuyết, 04 phòng học bộ môn, cải tạo nhà hiệu bộ và nhà lớp học cũ, phụ trợ	445/QĐ-UBND 06/3/2019	17.670			9.000	9.000	9.000		UBND huyện Ba Vì	
6	Trường Tiểu học Tông Bạt		1	xã Tông Bạt	2019-2020	06 phòng học lý thuyết, 03 phòng học bộ môn, nhà hiệu bộ, cải tạo nhà lớp học cũ, phụ trợ	453/QĐ-UBND 08/3/2019	14.982			7.200	7.200	7.200		UBND huyện Ba Vì	Phần còn lại thuộc trách nhiệm của huyện Ba Vì

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
7	Trường Tiểu học Tân Hồng		1	xã Tân Hồng	2019-2020	08 phòng học lý thuyết, 04 phòng học bộ môn, cải tạo nhà hiệu bộ và nhà lớp học cũ, phụ trợ	444/QĐ-UBND 06/3/2019	19.780			9.000	9.000	9.000		UBND huyện Ba Vì	
8	Trường THCS Tiên Phong		1	xã Tiên Phong	2019-2020	4 phòng học lý thuyết, 07 phòng học bộ môn, cải tạo nhà hiệu bộ, phụ trợ, thiết bị	443/QĐ-UBND 06/3/2019	19.100			8.000	8.000	8.000		UBND huyện Ba Vì	
9	Trường THCS Tông Bạt		1	xã Tông Bạt	2019-2020	5 phòng học lý thuyết, 07 phòng học bộ môn, phụ trợ, thiết bị	451/QĐ-UBND 08/3/2019	14.980			8.500	8.500	8.500	1	UBND huyện Ba Vì	
10	Trường THCS Cẩm Lĩnh		1	xã Cẩm Lĩnh	2019-2020	nhà hiệu bộ, cải tạo nhà lớp học, phụ trợ, thiết bị	450/QĐ-UBND 07/3/2019	7.180			6.500	6.500	6.500	1	UBND huyện Ba Vì	
11	Trường THCS Đồng Thái		1	xã Đồng Thái	2019-2020	04 phòng học lý thuyết, 04 phòng học bộ môn, cải tạo nhà hiệu bộ, phụ trợ, thiết bị	452/QĐ-UBND 08/3/2019	9.450			8.500	8.500	8.500	1	UBND huyện Ba Vì	
*	Lĩnh vực giao thông		1					30.000			13.000	13.000	13.000			
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ khu di tích K9 đến xã Thuận Mỹ		1	xã Thuận Mỹ	2019-2020	tổng chiều dài đường 5,3Km; mặt đường bê tông xi măng	483/QĐ-UBND 12/3/2019	30.000			13.000	13.000	13.000		UBND huyện Ba Vì	
II	Huyện Chương Mỹ		20					164.223			143.700	143.700	143.700	19		
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019		20					164.223			143.700	143.700	143.700	19		
*	Lĩnh vực trường học		2					35.593			24.500	24.500	24.500	1		
1	Trường tiểu học Đồng Lạc		1	Xã Đồng Lạc	2019-2021	Cải tạo 14 phòng học; Xây mới nhà học chức năng 3 tầng; Các hạng mục phụ trợ; Trang thiết bị phòng học, nhà hiệu bộ	8127/QĐ-UBND 20/3/2019	18.963			9.000	9.000	9.000		UBND huyện Chương Mỹ	
2	Trường THCS Đại Yên		1	Xã Đại Yên	2019-2021	Cải tạo nhà hiệu bộ; Cải tạo nhà lớp học; Xây mới nhà lớp học bộ môn 1 tầng 4 phòng; Các hạng mục phụ trợ; trang thiết bị học đường.	1766/QĐ-UBND 19/3/2019	16.630			15.500	15.500	15.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
*	Lĩnh vực giao thông		6					60.606			56.500	56.500	56.500	6		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào nhà máy xử lý rác thải Núi Thoang		1	Tân Tiến	2019-2021	- Tổng chiều dài 1154 m	8119/QĐ-UBND 20/3/2019	14.902			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Đường giao thông các thôn Hạnh Côn, Việt An, Phương Hạnh, Tiên Tiên, Gò Chè, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ		1	xã Tân Tiến	2019-2021	- Bao gồm 05 tuyến, Tổng chiều dài các tuyến là 6004,19m.	8120/QĐ-UBND 20/3/2019	14.189			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
3	Đường giao thông các thôn Gò Cáo, Xuân Long, Xóm 4, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ.		1	Xã Thủy Xuân Tiên	2019-2021	- Bao gồm 06 tuyến, Tổng chiều dài các tuyến là 2919,08m	8121/QĐ-UBND 20/3/2019	9.730			9.000	9.000	9.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Gò Cù đến đường Hồ Chí Minh, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ		1	Xã Tân Tiến	2019-2021	- Tổng chiều dài khoảng 1200 m	8122/QĐ-UBND 20/3/2019	4.373			4.000	4.000	4.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ thôn Gò Cáo, xã Thủy Xuân Tiên đi đê Hữu Bùn và đoạn từ nhà văn hóa thôn Xuân Linh đến đường Hồ Chí Minh		1	Xã Thủy Xuân Tiên	2019-2021	- Tổng chiều dài khoảng 2920 m	8123/QĐ-UBND 20/3/2019	10.644			10.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ nhà văn hóa thôn Xuân Long, xã Thủy Xuân Tiên đến đường Hồ Chí Minh		1	Xã Thủy Xuân Tiên	2019-2021	- Tổng chiều dài khoảng 1000,6 m	8124/QĐ-UBND 20/3/2019	6.768			6.500	6.500	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
*	<i>Lĩnh vực y tế</i>		10					55.952			51.700	51.700	51.700	10		
1	Trạm y tế xã Trường Yên		1	Xã Trường Yên	2019-2021	- Xây mới nhà khám bệnh 2 tầng tổng diện tích 483 m2. - Cải tạo nhà 1 tầng, các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị y tế và văn phòng.	1761/QĐ-UBND 19/3/2019	7.142			6.500	6.500	6.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Trạm y tế xã Đông Phú		1	Xã Đông Phú	2019-2021	Xây mới nhà khám 2 tầng diện tích 500m2 và các hạng mục phụ trợ và bổ sung thiết bị y tế	1762/QĐ-UBND 19/3/2019	8.623			8.000	8.000	8.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Trạm y tế xã Mỹ Lương		1	Xã Mỹ Lương	2019-2021	Xây mới nhà khám bệnh 2 tầng diện tích 483 m2; Cải tạo nhà 1 tầng; Các hạng mục phụ trợ.	1763/QĐ-UBND 19/3/2019	7.390			7.000	7.000	7.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Trạm y tế xã Đông Phương Yên		1	Xã Đông Phương Yên	2019-2021	Xây mới nhà làm việc 2 tầng; Cải tạo nhà làm việc 1 tầng; Cải tạo nhà hội trường 1 tầng và các hạng mục phụ trợ.	1764/QĐ-UBND 19/3/2019	3.677			3.500	3.500	3.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Trạm y tế xã Nam Phương Tiên		1	Xã Nam Phương Tiên	2019-2021	Xây mới nhà khám bệnh 2 tầng; Cải tạo nhà khám bệnh 2 tầng; Các hạng mục phụ trợ; Trang thiết bị y tế.	1765/QĐ-UBND 19/3/2019	3.019			2.800	2.800	2.800	1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Trạm y tế xã Tân Tiến		1	Xã Tân Tiến	2019-2021	Cải tạo khối nhà 2 tầng diện tích 288m2; Xây dựng khối nhà khám và hành chính 2 tầng diện tích 380m2 và các hạng mục phụ trợ, bổ sung thiết bị y tế	1767/QĐ-UBND 19/3/2019	6.414			5.800	5.800	5.800	1	UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
7	Trạm y tế xã Thủy Xuân Tiên		1	Xã Thủy Xuân Tiên	2019-2021	Cải tạo khối nhà làm việc 2 tầng; Cải tạo khối nhà 1 tầng; Xây dựng các hạng mục phụ trợ, trang thiết bị y tế	1768/QĐ-UBND 19/3/2019	3.268			3.300	3.300	3.300	1	UBND huyện Chương Mỹ	
8	Trạm y tế xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2019-2021	Xây mới nhà khám bệnh 2 tầng; Cải tạo nhà 1 tầng; Các hạng mục phụ trợ; Trang thiết bị y tế.	1769/QĐ-UBND 19/3/2019	7.472			6.800	6.800	6.800	1	UBND huyện Chương Mỹ	
9	Trạm y tế xã Đồng Lạc		1	Xã Đồng Lạc	2019-2021	Cải tạo khối nhà 2 tầng; Xây mới nhà 2 tầng diện tích 435,6 m ² ; Các hạng mục phụ trợ.	1770/QĐ-UBND 19/3/2019	4.063			3.500	3.500	3.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
10	Trạm y tế xã Tiên Phương		1	Tiên Phương	2019-2021	Cải tạo nhà 2 tầng; Xây mới nhà 2 tầng diện tích 270 m ² ; Các hạng mục phụ trợ.	8118/QĐ-UBND 20/3/2019	4.883			4.500	4.500	4.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
*	<i>Lĩnh vực văn hóa</i>		2					12.071			11.000	11.000	11.000	2		
1	Nhà văn hóa thôn Việt An, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ		1	Xã Tân Tiến	2019-2021	- Nhà văn hóa 1 tầng diện tích 227 m ² và các hạng mục phụ trợ, thiết bị.	8125/QĐ-UBND 20/3/2019	3.977			3.500	3.500	3.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Nhà văn hóa các thôn Gò Cáo và Xuân Long, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ		1	Xã Thủy Xuân Tiên	2019-2021	- Gồm 02 nhà văn hóa mỗi nhà văn hóa rộng 227m ² và các hạng mục phụ trợ, thiết bị.	8126/QĐ-UBND 20/3/2019	8.094			7.500	7.500	7.500	1	UBND huyện Chương Mỹ	
III	Huyện Đan Phượng	3						263.162	25.000		29.500	54.500	29.500			
A	<i>Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019</i>	3						263.162	25.000		29.500	54.500	29.500			
*	<i>Lĩnh vực trường học</i>	3						263.162	25.000		29.500	54.500	29.500			
1	Trường THCS Thọ An, huyện Đan Phượng	1		Xã Thọ An	2018-2020	Xây dựng 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ	4684/QĐ-UBND 30/10/2018	78.234	9.000		7.000	16.000	7.000		UBND huyện Đan Phượng	
2	Trường THCS Hồng Hà, huyện Đan Phượng	1		Xã Hồng Hà	2018-2020	Xây dựng 24 phòng học và các hạng mục phụ trợ	4685/QĐ-UBND 30/10/2018	89.267	8.000		12.000	20.000	12.000		UBND huyện Đan Phượng	
3	Trường Tiểu học Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng	1		Xã Thượng Mỗ	2018-2020	Xây dựng 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ	4686/QĐ-UBND 30/10/2018	95.661	8.000		10.500	18.500	10.500		UBND huyện Đan Phượng	
IV	Huyện Đông Anh	3	7					482.966	54.000		152.500	206.700	152.500	5		
A	<i>Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019</i>	3	7					482.966	54.000		152.500	206.700	152.500	5		
*	<i>Lĩnh vực trường học</i>	3	3					422.985	54.000		111.500	165.700	111.500	2		
1	Xây dựng trường THCS Đông Hội	1		Xã Đông Hội	2019-2020	Xây mới 36 nhóm lớp	2184/QĐ-UBND 15/5/2018	113.441	10.000		30.000	40.000	30.000		UBND huyện Đông Anh	
2	Xây dựng trường tiểu học Kim Chung 2	1		Xã Kim Chung	2018-2021	Xây mới 30 nhóm lớp	5887/QĐ-UBND 26/10/2018	107.770	10.000		30.000	40.000	30.000		UBND huyện Đông Anh	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Xây dựng trường THCS Kim Chung 2	1		Xã Kim Chung	2018-2021	Xây mới 32 nhóm lớp	6021/QĐ-UBND 31/10/2018; 1270/QĐ-UBND 12/3/2019	136.570	20.000		15.000	35.000	15.000		UBND huyện Đông Anh	
4	Xây dựng nhà học trường THCS Võng La, xã Võng La		1	Xã Võng La	2018-2020	Xây thêm 10 nhóm lớp	5846/QĐ-UBND 26/10/2018; 1270/QĐ-UBND 12/3/2019	36.239	14.000		10.000	24.000	10.000		UBND huyện Đông Anh	
5	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Dục Tú		1	Xã Dục Tú	2019-2020	Cải tạo trên nền hiện trạng	5996/QĐ-UBND 31/10/2018; 1268/QĐ-UBND 12/3/2019	14.833			13.500	13.600	13.500	1	UBND huyện Đông Anh	
6	Cải tạo, mở rộng trường THCS Uy Nỗ		1	Xã Uy Nỗ	2019-2020	Xây mới 02 khối nhà	5979/QĐ-UBND 31/10/2018; 1267/QĐ-UBND 12/3/2019	14.132			13.000	13.100	13.000	1	UBND huyện Đông Anh	
*	<i>Lĩnh vực giao thông</i>							14.133			12.500	12.500	12.500	1		
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn, thôn Hội Phụ (khó hợp nối HTKT khu trung tâm xã với điểm dân cư nông thôn thôn Hội Phụ)		1	Xã Đông Hội	2019-2020	Cải tạo	131A/QĐ-UBND 28/8/2018; 49/QĐ-UBND 09/3/2019	14.133			12.500	12.500	12.500	1	UBND huyện Đông Anh	
*	<i>Lĩnh vực văn hóa</i>							25.070			10.000	10.000	10.000			
1	Xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao Khu nhà ở công nhân Kim Chung, huyện Đông Anh		1	Xã Kim Chung	2018-2020	Diện tích xây dựng: 3070 m2	7534/QĐ-UBND 30/10/2017	25.070			10.000	10.000	10.000		UBND huyện Đông Anh	
*	<i>Lĩnh vực khác</i>							20.778			18.500	18.500	18.500	2		
1	Xây dựng HTKT và cải tạo môi trường hồ trung tâm xã Đông Hội		1	Xã Đông Hội	2019-2020	Cải tạo	94 B/QĐ-UBND 09/7/2018; 48/QĐ-UBND 09/3/2019	14.455			13.000	13.000	13.000	1	UBND huyện Đông Anh	
2	Xây dựng HTKT và cải tạo môi trường ao chùa A Phái		1	Xã Đông Hội	2019-2020	Cải tạo	100A/QĐ-UBND 01/8/2018; 50/QĐ-UBND 9/3/2019	6.323			5.500	5.500	5.500	1	UBND huyện Đông Anh	
V	Huyện Hoài Đức	1	1					89.347			33.000	33.000	33.000			
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019	1	1					89.347			33.000	33.000	33.000			
*	<i>Lĩnh vực trường học</i>							89.347			33.000	33.000	33.000			
1	Xây dựng, mở rộng trường Tiểu học An Thượng A, xã An Thượng		1	xã An Thượng	2018-2020	Xây dựng khối nhà lớp học 03 tầng, hiệu bộ, khối nhà thể chất, bếp ăn 02 tầng	6265/QĐ-UBND 29/10/2018	42.328			15.000	15.000	15.000		UBND huyện Hoài Đức	
2	Trường mầm non Di Trạch 2	1		xã Di Trạch	2019-2020	Xây dựng 14 phòng học, hiệu bộ và các phòng chức năng, phụ trợ	6268/QĐ-UBND 29/10/2018	47.019			18.000	18.000	18.000		UBND huyện Hoài Đức	Nghị quyết 08/NQ-HĐND tên dự án là Trường mầm non Di Trạch B

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
VI	Huyện Mê Linh		8					148.982	1.600		91.500	92.900	91.500	5		
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019		8					148.982	1.600		91.500	92.900	91.500	5		
*	<i>Lĩnh vực trường học</i>		8					148.982	1.600		91.500	92.900	91.500	5		
1	Cải tạo nâng cấp trường Tiểu học Vạn Yên, xã Vạn Yên, huyện Mê Linh		1	Xã Vạn Yên	2019-2020	Cải tạo các khối nhà lớp học, hiệu bộ, xây mới 1 nhà lớp học bộ môn 2 tầng, nhà cầu; các hạng mục phụ trợ.	531/QĐ-UBND 13/3/2019	17.169	200		10.000	10.200	10.000		UBND huyện Mê Linh	
2	Cải tạo nâng cấp trường Tiểu học Kim Hoa B, xã Kim Hoa huyện Mê Linh		1	Xã Kim Hoa	2019-2020	Xây mới nhà lớp học bộ môn, kết hợp với phòng chức năng, hành lang cầu, các hạng mục phụ trợ	532/QĐ-UBND 13/3/2019	14.573	200		13.500	13.700	13.500	1	UBND huyện Mê Linh	
3	Cải tạo nâng cấp trường Tiểu học Chi Đông, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh		1	Thị trấn Chi Đông	2019-2020	Cải tạo, nâng cấp các khối nhà lớp học, hiệu bộ, và các hạng mục phụ trợ	536/QĐ-UBND 14/3/2019	17.947	200		12.500	12.700	12.500	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách Huyện
4	Cải tạo nâng cấp trường tiểu học Tự Lập A, xã Tự Lập, huyện Mê Linh		1	Xã Tự Lập	2019-2020	Xây dựng mới nhà hiệu bộ, nhà lớp học, bộ môn; các hạng mục phụ trợ	530/QĐ-UBND 13/3/2019	19.830	200		10.000	10.000	10.000		UBND huyện Mê Linh	
5	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tiến Thịnh, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh		1	Xã Tiến Thịnh	2019-2020	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng; cải tạo nhà lớp học, nhà hiệu bộ; phụ trợ.	535/QĐ-UBND 14/3/2019	17.306	200		13.000	13.200	13.000	1	UBND huyện Mê Linh	Nghị quyết 08/NQ-HĐND tên dự án là Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tiến Thịnh (do sát nhập 2 trường)
6	Trường tiểu học Thanh Lâm B, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (Hạng mục: Nhà hiệu bộ kết hợp các phòng học chức năng; nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ		1	Xã Thanh lâm	2019-2020	Xây dựng mới nhà hiệu bộ kết hợp phòng học, nhà giáo dục thể chất; cải tạo 10 phòng học	2827/QĐ-UBND 29/10/2018	22.811	200		10.000	10.200	10.000		UBND huyện Mê Linh	Nghị quyết 08/NQ-HĐND tên dự án là Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Thanh Lâm B, huyện Mê Linh
7	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tiến Thắng A, huyện Mê Linh		1	Xã Tiến Thắng	2019-2020	Cải tạo khối nhà lớp học, nhà đa năng; Xây mới nhà hiệu bộ 3 tầng; phụ trợ	537/QĐ-UBND 14/3/2019	19.825	200		11.500	11.700	11.500	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách huyện
8	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tiến Thắng B, huyện Mê Linh		1	Xã Tiến Thắng	2019-2020	Xây dựng nhà lớp học, Cải tạo nhà hiệu bộ; phá dỡ nhà lớp học 2 tầng; phụ trợ	538/QĐ-UBND 14/3/2019	19.521	200		11.000	11.200	11.000	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách huyện
VII	Huyện Mỹ Đức		12					225.155			140.500	140.500	140.500	7		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019		12					225.155			140.500	140.500	140.500	7			
*	Lĩnh vực trường học		12					225.155			140.500	140.500	140.500	7			
1	Trường mầm non xã Đại Hưng		1	Xã Đại Hưng	2019-2020	Xây mới 18 phòng học, Nhà hiệu bộ + bộ môn, các hạng mục phụ trợ.	223/QĐ-UBND 23/10/2014;298/QĐ-UBND 30/01/2019	44.064			20.000	20.000	20.000			UBND huyện Mỹ Đức	
2	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Đồng Tâm		1	xã Đồng Tâm	2019-2020	Xây mới nhà lớp học + chức năng 3 tầng và các hạng mục phụ trợ.	255/QĐ-UBND 22/01/2019	20.069			10.000	10.000	10.000			UBND huyện Mỹ Đức	
3	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Đồng Tâm		1	xã Đồng Tâm	2019-2020	Xây nhà lớp học + chức năng 2 tầng tổng diện tích nhà 2409,24m2. Các hạng mục phụ trợ.	260/QĐ-UBND 23/01/2019	20.764			10.000	10.000	10.000			UBND huyện Mỹ Đức	
4	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Tế Tiêu		1	TT Đại Nghĩa	2019-2020	Xây mới nhà Hiệu bộ, phòng bộ môn 3 tầng. Cải tạo 10 phòng và các hạng mục phụ trợ.	269/QĐ-UBND 24/01/2019	10.847			9.500	9.500	9.500	1		UBND huyện Mỹ Đức	
5	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Bột Xuyên		1	xã Bột Xuyên	2019-2020	Sửa chữa cải tạo nhà hiệu bộ và nhà bộ môn, 14 phòng học và xây mới các hạng mục phụ trợ.	264/QĐ-UBND 23/01/2019	13.561			12.500	12.500	12.500	1		UBND huyện Mỹ Đức	
6	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Thượng Lâm		1	xã Thượng Lâm	2019-2020	Xây mới nhà lớp học + bộ môn 2 tầng và các hạng mục phụ trợ.	229/QĐ-UBND 18/01/2019	11.991			9.500	9.500	9.500	1		UBND huyện Mỹ Đức	
7	Sửa chữa, cải tạo trường tiểu học Đại Hưng		1	xã Đại Hưng	2019-2020	Xây mới nhà hiệu bộ + phòng học bộ môn 3 tầng. Cải tạo nhà lớp học 2 tầng + nhà lớp học 3 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ.	222/QĐ-UBND 17/01/2019	13.392			12.000	12.000	12.000	1		UBND huyện Mỹ Đức	
8	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Đốc Tín		1	xã Đốc Tín	2019-2020	Xây mới nhà lớp học + bộ môn 3 tầng và các hạng mục phụ trợ.	277/QĐ-UBND 28/01/2019	9.648			8.500	8.500	8.500	1		UBND huyện Mỹ Đức	
9	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Tuy Lai B		1	xã Hồng Sơn	2019-2020	Xây mới nhà lớp học + hiệu bộ + phòng học bộ môn 3 tầng và các hạng mục phụ trợ.	266/QĐ-UBND 24/01/2019	14.913			13.500	13.500	13.500	1		UBND huyện Mỹ Đức	
10	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Tế Tiêu		1	TT Đại Nghĩa	2019-2020	Sửa chữa cải tạo nhà hiệu bộ và nhà bộ môn, 12 phòng học và hạng mục phụ trợ.	261/QĐ-UBND 23/01/2019	12.307			11.000	11.000	11.000	1		UBND huyện Mỹ Đức	
11	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Lê Thanh A		1	Xã Lê Thanh	2019-2020	Xây mới nhà hiệu bộ + phòng học bộ môn 3 tầng. Cải tạo 2 khối nhà lớp học 2 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ.	220/QĐ-UBND 17/01/2019	26.640			12.000	12.000	12.000			UBND huyện Mỹ Đức	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
12	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Hồng Sơn		1	xã Hồng Sơn	2019-2020	Xây mới nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn. Cải tạo 16 phòng học. Xây mới các hạng mục phụ trợ.	224/QĐ-UBND 17/01/2019	26.959			12.000	12.000	12.000		UBND huyện Mỹ Đức	
VIII	Huyện Phú Xuyên		15					255.761			192.100	192.100	192.100	15		
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019		15					255.761			192.100	192.100	192.100	15		
*	Lĩnh vực trường học		15					255.761			192.100	192.100	192.100	15		
1	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Tân Dân		1	xã Tân Dân	2019-2020	Xây mới nhà 2 tầng 6 phòng; nhà hiệu bộ 2 tầng; phụ trợ.	443a/QĐ-UBND 21/02/2019	19.648			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	Phần còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách Huyện
2	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Tân Dân		1	xã Tân Dân	2019-2020	xây mới lớp học+ bộ môn+ chức năng 3 tầng; xây mới nhà chức năng 2 tầng; phụ trợ	452a/QĐ-UBND 22/02/2019	14.739			12.000	12.000	12.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
3	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Quang Lãng		1	xã Quang Lãng	2019-2020	Xây nhà lớp học+ bộ môn 3 tầng, lát gạch sân, cổng. Cải tạo nhà lớp học; xây mới nhà để xe.	453a/QĐ-UBND 22/02/2019	19.357			10.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
4	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Bạch Hạ		1	xã Bạch Hạ	2019-2020	Xây mới nhà bộ môn+ chức năng 3 tầng.	456a/QĐ-UBND 25/02/2019	19.676			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
5	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Tri Trung		1	xã Tri Trung	2019-2020	Xây mới 8 phòng học, nhà hiệu bộ chức năng 2 tầng; phụ trợ	465a/QĐ-UBND 26/02/2019	19.901			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
6	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Văn Nhân		1	xã Văn Nhân	2019-2020	Xây mới hiệu bộ 2 tầng; xây mới lớp học+ bm 3 tầng; phụ trợ.	504a/QĐ-UBND 27/02/2019	19.946			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
7	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Minh Tân		1	xã Minh Tân	2019-2020	Cải tạo 2 nhà lớp học 2 tầng 10 phòng; cải tạo nhà lớp học cũ; Phụ trợ	518a/QĐ-UBND 28/02/2019	14.379			10.500	10.500	10.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
8	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Hồng Minh		1	xã Hồng Minh	2019-2020	Xây mới 6 phòng; xây mới nhà hiệu bộ chức năng 2 tầng; phụ trợ	528a/QĐ-UBND 04/03/2019	18.910			12.600	12.600	12.600	1	UBND huyện Phú Xuyên	
9	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Châu Can		1	xã Châu Can	2019-2020	Xây mới nhà lớp học +HB 3 tầng; cải tạo nhà hiệu bộ cũ, cải tạo sân, bể nước, cổng.	544a/QĐ-UBND 05/03/2019	19.983			12.500	12.500	12.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
10	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học thị trấn Phú Xuyên		1	xã Phú Xuyên	2019-2020	Xây mới nhà lớp học + chức năng 3 tầng; xây mới nhà lớp học 2 tầng 4 phòng; phụ trợ	540a/QĐ-UBND 04/03/2019	14.821			13.000	13.000	13.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
11	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Đại Xuyên		1	xã Đại Xuyên	2019-2020	Xây mới nhà lớp học bộ môn 3 tầng, cải tạo nhà lớp học 2 tầng 12 phòng; Phụ trợ	3028a/QĐ-UBND 18/10/2018	14.796			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
12	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Hoàng Long		1	xã Hoàng Long	2019-2020	Xây mới lớp học + bm 3 tầng; sân bê tông, nhà để xe, bể nước.	3172a/QĐ-UBND 26/10/2018	14.996			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
13	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Phương Dục		1	xã Phương Dục	2019-2020	Xây mới nhà hiệu bộ 2 tầng, xây mới nhà bộ môn 2 tầng, cải tạo 16 phòng, nhà chức năng 2 tầng; phụ trợ.	3101a/QĐ-UBND 22/10/2018	14.811			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
14	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Đại Thắng		1	xã Đại Thắng	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 3 tầng; cải tạo nhà HB+ Bộ môn, cải tạo nhà lớp học 2 tầng 4 phòng; phụ trợ.	3157a/QĐ-UBND 25/10/2018	14.802			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
15	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Hoàng Long		1	xã Hoàng Long	2019-2020	Xây mới nhà HB+ chức năng 2 tầng; xây mới nhà lớp học + bm 3 tầng; Cải tạo 6 phòng học.	3257a/QĐ-UBND 29/10/2018	14.996			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Phú Xuyên	
IX	Huyện Phúc Thọ		1					44.706			10.000	10.000	10.000			
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019		1					44.706			10.000	10.000	10.000			
*	Lĩnh vực trường học		1					44.706			10.000	10.000	10.000			
1	Trường mầm non Vông Xuyên A		1	xã Vông Xuyên	2019-2020	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng (nhà A); Nhà lớp học, hiệu bộ, bếp 3 tầng (nhà B) và các hạng mục phụ trợ khác	2806/QĐ-UBND 30/10/2018	44.706			10.000	10.000	10.000		UBND huyện Phúc Thọ	
X	Huyện Quốc Oai		14					275.302			185.000	185.000	185.000	11		
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019		14					275.302			185.000	185.000	185.000	11		
*	Lĩnh vực trường học		14					275.302			185.000	185.000	185.000	11		
1	Trường tiểu học Tân Hòa, huyện Quốc Oai		1	Tân Hòa	2018-2020	Nhà lớp học 3T12P; nhà bộ môn 3 tầng; nhà hiệu bộ 3 tầng; các hạng mục phụ trợ	7999/QĐ-UBND 26/10/2017	42.810			20.000	20.000	20.000		UBND huyện Quốc Oai	
2	Trường mầm non Phú Cát (điểm trường thôn Phú Sơn)		1	Phú Cát	2018-2020	Nhà lớp học 2T8P; Nhà hiệu bộ 2T; các hạng mục phụ trợ	8085/QĐ-UBND 30/10/2017	41.149			20.000	20.000	20.000		UBND huyện Quốc Oai	
3	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học xã Đông Yên (điểm trường Trại Cầu), huyện Quốc Oai		1	Đông Yên	2018-2019	Nhà lớp học bộ môn và lớp học 02 tầng; nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	8157/QĐ-UBND 30/10/2017	14.511			13.000	13.000	13.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
4	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai		1	Liệp Tuyết	2019-2021	Nhà lớp học 3T kết hợp với nhà chức năng, cải tạo nhà lớp học 2T và các hạng mục phụ trợ	5086/QĐ-UBND 29/10/2018	14.830			11.500	11.500	11.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
5	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Tân Phú		1	Tân Phú	2019-2021	Nhà lớp học 3T kết hợp với nhà chức năng, cải tạo nhà lớp học 2T và các hạng mục phụ trợ	5119/QĐ-UBND 31/10/2018	14.970			12.500	12.500	12.500	1	UBND huyện Quốc Oai	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
6	Đầu tư, nâng cấp Trường Mầm non Thị trấn Quốc Oai B		1	Thị Trấn	2019-2020	Xây mới 4 phòng học và các hạng mục phụ trợ	5089/QĐ-UBND 29/10/2018	14.902			10.500	10.500	10.500	1	UBND huyện Quốc Oai	Phần còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách Huyện
7	Đầu tư, nâng cấp Mầm non Ngọc Mỹ (điểm trường Ngọc Than)		1	Ngọc Mỹ	2019-2020	Nhà lớp học 3T10P, cá tạo nhà hiện trạng và các hạng mục phụ trợ	5085/QĐ-UBND 29/10/2018	14.892			13.000	13.000	13.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
8	Đầu tư, nâng cấp Mầm non Hoà Thạch; điểm trường thôn Bạch Thạch		1	Hòa Thạch	2019-2020	Nhà lớp học 3T6P và các phòng bếp, chức năng, phòng làm việc và các hạng mục phụ trợ	4922/QĐ-UBND 22/10/2018	13.575			12.000	12.000	12.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
9	Đầu tư, nâng cấp Mầm non Tân Hòa điểm trường thôn Yên Thái		1	Yên Thái	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 2T8P, cải tạo nhà lớp học cũ và các hạng mục phụ trợ	5095/QĐ-UBND 30/10/2018	13.883			12.500	12.500	12.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
10	Đầu tư, nâng cấp Trường Mầm non Long Phú		1	Hòa Thạch	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 2T6P, khu nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	4961/QĐ-UBND 23/10/2018	11.670			10.500	10.500	10.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
11	Đầu tư, nâng cấp Mầm non Cấn Hữu (điểm trường Đình Tú, Thái Thương Khê)		1	Cấn Hữu	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 2T4P, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	4962/QĐ-UBND 23/10/2018	13.984			12.500	12.500	12.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
12	Đầu tư, nâng cấp Tiểu học Yên Sơn, (điểm trường thôn Sơn Trung)		1	Yên Sơn	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 3T8P và cải tạo nhà lớp học 2T, các hạng mục phụ trợ	4963/QĐ-UBND 23/10/2018	14.698			11.500	11.500	11.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
13	Đầu tư, nâng cấp Xây dựng trường tiểu học xã Cấn Hữu		1	Cấn Hữu	2019-2020	Xây mới nhà hiệu bộ, nhà lớp học 2T8P và các hạng mục phụ trợ	5096/QĐ-UBND 30/10/2018	34.440			15.000	15.000	15.000		UBND huyện Quốc Oai	
14	Đầu tư Nâng cấp Trường tiểu học Đông Xuân, điểm trường thôn Cửa Khâu		1	Đông Xuân	2019-2020	Xây mới khối nhà lớp học, nhà lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	4964/QĐ-UBND 23/10/2018	14.988			10.500	10.500	10.500	1	UBND huyện Quốc Oai	Phần còn lại thuộc trách nhiệm ngân sách Huyện
XI	Huyện Sóc Sơn	1	6					160.107			108.700	108.700	108.700	5		
A	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019	1	6					160.107			108.700	108.700	108.700	5		
*	Lĩnh vực trường học	1	6					160.107			108.700	108.700	108.700	5		
1	Xây dựng trường THCS Đông Xuân	1		Đông Xuân	2018-2020	Xây mới nhà lớp học 24 phòng + nhà hiệu bộ + nhà thể chất + phụ trợ	8797/QĐ-UBND 31/10/2017	63.330			31.000	31.000	31.000		UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Quang Tiến		1	Quang Tiến	2018-2020	Xây dựng 8 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà thể chất, cải tạo 10 phòng, hạng mục phụ trợ	8798/QĐ-UBND 31/10/2017	34.817			20.000	20.000	20.000		UBND huyện Sóc Sơn	
3	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Kim Lũ		1	Kim Lũ	2019-2021	Xây dựng 16 phòng kết hợp phòng chức năng, các hạng mục phụ trợ	3597/QĐ-UBND 31/10/2018	14.539			13.000	13.000	13.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Phù Lỗ B		1	Phù Lỗ	2018-2020	Xây dựng 06 phòng học, nhà thể chất các hạng mục HTKT	2424/QĐ-UBND 29/10/2018	13.144			13.000	13.000	13.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
5	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Thanh Xuân		1	Thanh Xuân	2018-2020	Xây dựng 12 phòng học và các hạng mục phụ trợ, trang thiết bị đồng bộ	3200/QĐ-UBND 11/10/2018	14.509			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	
6	Mở rộng trường mầm non Mai Đình B		1	Mai Đình	2019-2020	Xây dựng 4 phòng học, 1 phòng chức năng, hạng mục phụ trợ	3100/QĐ-UBND 04/10/2018	11.794			11.000	11.000	11.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Thanh Xuân (khu trung tâm)		1	Thanh Xuân	2018-2020	Xây dựng 04 phòng học, hạng mục phụ trợ	8653/QĐ-UBND 23/10/2017	7.974			7.200	7.200	7.200	1	UBND huyện Sóc Sơn	
XII	Huyện Thanh Oai		11					295.153	24.000	20.000	165.000	189.000	185.000	7		
A	Dự án đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 2019 đã giao		1					35.379	20.000	20.000	12.000	32.000	32.000	1		
*	Lĩnh vực trường học		1					35.379	20.000	20.000	12.000	32.000	32.000	1		
1	Trường mầm non xã Cao Viên (Điểm trường thôn Đông)		1	xã Cao Viên, huyện Thanh Oai	2019 - 2020	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 12 phòng, nhà hiệu bộ, bếp, các HMPT	2974/QĐ-UBND 24/10/2018	35.379	20.000	20.000	12.000	32.000	32.000	1	UBND huyện Thanh Oai	Năm 2019 NSTP đã hỗ trợ 20 tỉ đồng từ nguồn XSKT
B	Dự án đề nghị bổ sung danh mục và vốn năm 2019		10					259.774	4.000		153.000	157.000	153.000	6		
*	Lĩnh vực trường học		9					204.888	4.000		128.000	132.000	128.000	6		
1	Trường tiểu học xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai		1	xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai	2018-2019	Nhà hiệu bộ 3 tầng, nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ khác	2328a/QĐ-UBND 17/8/2018; 558/QĐ-UBND 12/3/2019	42.038			18.000	18.000	18.000		UBND huyện Thanh Oai	
2	Trường mầm non Tam Hưng B, huyện Thanh Oai		1	xã Tam Hưng	2019 - 2020	Xây mới 8 phòng, phòng học chức năng, nhà hiệu bộ, hội đồng và các HMPT	557/QĐ-UBND 11/3/2019	29.500	500		13.000	13.500	13.000		UBND huyện Thanh Oai	
3	Xây mới trường mầm non Phương Trung II, huyện Thanh Oai		1	xã Phương Trung	2019-2020	Xây mới 12 phòng, Nhà nhà hiệu bộ, bếp + phòng học chức năng, các HMPT	3010/QĐ-UBND 30/10/2018; 562/QĐ-UBND 12/3/2019	44.900	500		18.000	18.500	18.000		UBND huyện Thanh Oai	
4	Trường tiểu học xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai		1	xã Đỗ Động	2019 -2020	Xây mới khối nhà hiệu bộ, nhà lớp học chức năng 3 tầng, cải tạo 8 phòng, các HMPT	2984/QĐ-UBND 26/10/2018; 561/QĐ-UBND 12/3/2019	14.300	500		12.000	12.500	12.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
5	Trường tiểu học xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai		1	xã Mỹ Hưng	2019- 2020	Xây mới nhà hiệu bộ, phòng học chức năng 3 tầng, cải tạo nhà lớp 18 phòng, các HMPT	2813/QĐ-UBND 15/10/2018; 560/QĐ-UBND 12/3/2019	14.500	500		13.000	13.500	13.000	1	UBND huyện Thanh Oai	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
6	Trường tiểu học Cao Viên I, huyện Thanh Oai		1	xã Cao Viên	2019 -2020	Xây mới khối nhà lớp học 3 tầng kết hợp thư viện, khối nhà hiệu bộ 3 tầng kết hợp bộ môn, các HMPT	2672/QĐ-UBND 28/9/2018; 559/QĐ-UBND 12/3/2019	14.950	500		13.500	14.000	13.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
7	Trường THCS xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai		1	xã Hồng Dương	2019 -2020	Xây mới dãy nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, cải tạo các khối nhà xuống cấp và HMPT	554/QĐ-UBND 11/3/2019	14.900	500		13.500	14.000	13.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
8	Trường tiểu học xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai		1	xã Thanh mai	2019 -2020	Xây mới nhà hiệu bộ, cải tạo các dãy nhà lớp học 2 tầng, các HMPT	555/QĐ-UBND 12/3/2019	14.850	500		13.500	14.000	13.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
9	Trường tiểu học xã Bình Minh II, huyện Thanh Oai		1	xã Bình Minh	2019 -2020	Xây mới khối nhà lớp học 3 tầng kết hợp thư viện, Cải tạo 2 dãy nhà lớp học, các hạng mục phụ trợ	556/QĐ-UBND 11/3/2019	14.950	500		13.500	14.000	13.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
*	Lĩnh vực giao thông		1					54.886			25.000	25.000	25.000			
1	Tuyến đường nối từ QL 21B với đường trục phát triển phía nam (tỉnh Hà Tây cũ) đoạn qua địa phận Bích Hòa, huyện Thanh Oai		1	xã Bích Hòa	2019 - 2020	1.700m	548/QĐ-UBND 07/03/2019	54.886			25.000	25.000	25.000		UBND huyện Thanh Oai	Nghị quyết 08/NQ-HĐND tên dự án là Nâng cấp đường nối từ QL 21B với đường trục phát triển kinh tế phía nam đi qua địa phận Bích Hòa - Cự Khê
XIII	Huyện Thường Tín		8					231.319			106.000	106.000	106.000	3		
A	Dự án đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 2019 đã giao		8					231.319			106.000	106.000	106.000	3		
*	Lĩnh vực trường học		5					113.348			53.500	53.500	53.500	2		
1	Trường mầm non xã Ninh Sở		1	xã Ninh Sở	2018-2020	XD mới nhà lớp học và hiệu bộ 2 tầng	3518/QĐ-UBND 30/6/2016; 673/QĐ-UBND 11/3/2019	14.730			13.000	13.000	13.000	1	UBND huyện Thường Tín	
2	Trường mầm non trung tâm xã Dũng Tiến		1	xã Dũng Tiến	2018-2020	XD mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	3324/QĐ-UBND 30/10/17; 674/QĐ-UBND 11/3/2019	14.836			2.500	2.500	2.500		UBND huyện Thường Tín	
3	Trường mầm non Tiên Phong		1	xã Tiên Phong	2018-2020	Xây mới 1 dãy nhà lớp học 2 tầng 12 phòng, nhà hiệu bộ 2 tầng, nhà bếp, nhà đa năng và phụ trợ	3725/QĐ-UBND 24/10/2018; 678 11/3/2019	44.951			15.000	15.000	15.000		UBND huyện Thường Tín	
4	Trường tiểu học Nguyễn Du		1	Thị trấn Thường tín	2018-2020	" Xây mới 18 phòng, nhà bộ môn 2 tầng 6 phòng, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	3816/QĐ-UBND 30/10/2018; 5196 28/12/2018	26.965			12.000	12.000	12.000		UBND huyện Thường Tín	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
5	Trường THCS Nghiêm Xuyên		1	xã Nghiêm Xuyên	2018-2020	" Xây mới 1 dãy nhà bộ môn, nhà tập đa năng CT nhà lớp học 10 phòng và các hạng mục phụ trợ	3520/QĐ-UBND 10/10/2018; 5197 28/12/2018	11.866			11.000	11.000	11.000	1	UBND huyện Thường Tín	
*	<i>Lĩnh vực giao thông</i>		3					117.971			52.500	52.500	52.500	1		
1	Đường liên xã Hồng Vân-Tự Nhiên-Chương Dương		1	xã Hồng Vân, Tự Nhiên, Chương Dương	2018-2020	3230m	3817/QĐ-UBND 30/10/2018; 4991 25/12/2018	55.897			20.000	20.000	20.000		UBND huyện Thường Tín	
2	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Thăng Lợi - Lê Lợi		1	xã Thăng Lợi, Lê Lợi	2018-2020	3000m	656/QĐ-UBND 25/1/2013; 680/QĐ-UBND 11/3/2019	47.502			20.000	20.000	20.000		UBND huyện Thường Tín	
3	Đường từ tỉnh lộ 427 đến đường trục xã Văn Bình đi QL1A		1	xã Văn Bình	2018-2020	1382m	3259/QĐ-UBND 27/10/2017; 679/QĐ-UBND 11/3/2019	14.571			12.500	12.500	12.500	1	UBND huyện Thường Tín	
XIV	Huyện Ứng Hòa		11					286.250			153.000	153.000	153.000	5		
A	Dự án đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 2019 đã giao		11					286.250			153.000	153.000	153.000	5		
*	<i>Lĩnh vực trường học</i>		10					255.898			138.000	138.000	138.000	5		
1	Xây dựng, cải tạo trường THCS Lưu Hoàng		1	xã Lưu Hoàng	2019-2020	Xây mới nhà lớp học bộ môn 3 tầng, các phòng bộ môn và phụ trợ	112/QĐ-UBND 18/2/2019; 210/QĐ-UBND 29/3/2019	10.300			9.500	9.500	9.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
2	Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng		1	xã Lưu Hoàng	2019-2020	Xây mới 6 phòng học, nhà hiệu bộ, phòng chức năng và phụ trợ	113/QĐ-UBND 18/02/2019; 211/QĐ-UBND 29/3/2019	14.900			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
3	Trường mầm non Vạn Thái (điểm thôn nội xá)		1	xã Vạn Thái	2019-2020	Cải tạo 06 phòng học, các hạng mục phụ trợ	160/QĐ-UBND 14/3/2019; 212/QĐ-UBND 29/3/2019	10.600			9.500	9.500	9.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
4	Trường mầm non trung tâm xã Viên Nội		1	xã Viên Nội	2019-2020	Xây mới nhà lớp học 2 tầng, phòng bộ môn, hiệu bộ và phụ trợ	105/QĐ-UBND 30/01/2019; 214/QĐ-UBND 29/3/2019	36.900			15.000	15.000	15.000		UBND huyện Ứng Hòa	
5	Trường tiểu học Hoa Sơn		1	xã Hoa Sơn	2019-2020	Xây mới 16 phòng học và nhà hiệu bộ; cải tạo 6 phòng học và nhà bộ môn	1022/QĐ-UBND 01/12/2016; 227/QĐ-UBND 3/4/2019	14.500			13.000	13.000	13.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án		Địa điểm	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế (quy mô)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2019 đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn NSTP năm 2019 NSTP	Kế hoạch vốn năm 2019 sau điều chỉnh		HT 2019	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		B	C				Số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ		Tổng số	Trong đó NSTP hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
6	Trường mầm non trung tâm xã Hòa Lâm		1	xã Hòa Lâm	2019 - 2020	Xây mới 14 phòng học, nhà hành chính, khôi phục vụ học tập và các hạng mục phụ trợ	166/QĐ-UBND 14/3/2019; 219/QĐ-UBND 29/3/2019	35.400			15.000	15.000	15.000		UBND huyện Ứng Hòa	
7	Trường mầm non trung tâm xã Kim Đường		1	xã Kim Đường	2019 - 2020	Xây mới nhà lớp học 2 tầng, nhà hành chính, khôi phục vụ học tập và các hạng mục phụ trợ	162/QĐ-UBND 14/3/2019; 215/QĐ-UBND 29/3/2019	44.200			17.000	17.000	17.000		UBND huyện Ứng Hòa	
8	Trường mầm non trung tâm xã Đồng Tiến		1	xã Đồng Tiến	2019 - 2020	Xây mới 17 phòng học, khu hành chính, khôi phục vụ học tập và các hạng mục phụ trợ	164/QĐ-UBND 14/3/2019; 216/QĐ-UBND 29/3/2019	44.300			17.000	17.000	17.000		UBND huyện Ứng Hòa	
9	Trường mầm non trung tâm xã Phù Lưu		1	xã Phù Lưu	2019 - 2020	Xây mới 12 phòng học, khu hành chính, nhà bếp, khôi phục vụ học tập và các hạng mục phụ trợ	163/QĐ-UBND 14/3/2019; 217/QĐ-UBND 29/3/2019	29.800			15.000	15.000	15.000		UBND huyện Ứng Hòa	
10	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Trường Thịnh		1	xã Trường Thịnh	2019 - 2020	cải tạo 12 phòng chức năng, các hạng mục phụ trợ	165/QĐ-UBND 14/3/2019	14.998			13.500	13.500	13.500	1	UBND huyện Ứng Hòa	
*	Lĩnh vực văn hóa		1					30.352			15.000	15.000	15.000			
1	Tu bổ, tôn tạo đình Thanh Âm, huyện Ứng Hòa và nhà truyền thống của Hội chữ thập đỏ Việt Nam		1	Thanh Âm	2019-2020	Quy hoạch lại tổng mặt bằng của di tích: Đại Đình, Nhà truyền thống; nâng cấp hạ tầng kỹ thuật	186/QĐ-UBND 21/3/2019	30.352			15.000	15.000	15.000		UBND huyện Ứng Hòa	